

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 9 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Xuân Mẫn và bà Trương Thị Lệ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 163/2022/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-DS ngày 16/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Mẫn V, sinh năm 1978 (có mặt).

CCCD: 075078011823 ngày 29/6/2021.

Địa chỉ: phố C, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc P, Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà Phùng Mỹ V1, sinh năm 1984 (có mặt).

Căn cước: 075184006364 ngày 18/8/2025.

Địa chỉ: phố B, ấp P, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Ngọc H, Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu khởi kiện độc lập: bà Hoàng Thị T, sinh năm 1940 (có mặt).

CCCD: 075140004341 ngày 17/8/2022.

Địa chỉ: phố C, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lâm Mẫn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phùng M Và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai vào ngày 14/12/2005. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nên thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung từ khoảng giữa năm 2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Phùng M Và.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lâm Quốc P1, sinh ngày 14/12/2006 và cháu Lâm Y Q, sinh ngày 11/11/2009. Cháu P1 hiện nay đã đủ 18 tuổi nên ông không ý kiến, cháu Q có ý kiến sống với mẹ, nên ông đồng ý giao con chung cho chị V1 nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có.

Về tài sản chung: không yêu cầu.

Ông đồng ý với Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 3568/2022 ngày 10/11/2022 và Chứng thư thẩm định giá số 3965/CT-ĐN1 ngày 02/12/2022 của CTCP thẩm định giá Đồng Nai.

- Theo đơn khởi kiện phản tố, bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phùng Mỹ V1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đồng ý ly hôn với ông Lâm Mẫn V.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lâm Quốc P1, sinh ngày 14/12/2006 và cháu Lâm Y Q, sinh ngày 11/11/2009. Cháu P1 hiện nay đã đủ 18 tuổi nên bà không ý kiến, bà yêu cầu nuôi cháu Q, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 tài sản chung là căn nhà xây nằm trên thửa đất 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 419773 do UBND huyện Đ cấp ngày 07/9/2012 cho ông Lâm Mẫn V và bà Phùng Mỹ V1).

Về phân tài sản chung, bà yêu cầu được chia toàn bộ giá trị tài sản là nhà và đất, theo tỷ lệ 4/10 giá trị tài sản chung bằng tiền.

Bà đồng ý với Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 3568/2022 ngày 10/11/2022 và Chứng thư thẩm định giá số 3965/CT-ĐN1 ngày 02/12/2022 của CTCP thẩm định giá Đồng Nai.

- Theo đơn khởi kiện độc lập, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 419773 do UBND huyện Đ cấp ngày 07/9/2012 cho ông Lâm Mẫn V và bà Phùng Mỹ V1) là do vợ chồng bà tặng cho vào ngày 02/8/2012, có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, mục đích tặng cho là để vợ chồng ông V- bà V1 thực hiện phụng dưỡng vợ chồng bà. Đến năm 2014 thì chồng bà là ông Lâm Tác V2 mất. Nay ông V- bà V1 ly hôn, yêu cầu chia tài sản,

bà yêu cầu buộc ông V- bà V1 hoàn trả thửa đất trên, bà đồng ý thanh toán lại giá trị căn nhà trên đất.

Bà đồng ý với Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 3568/2022 ngày 10/11/2022 và Chứng thư thẩm định giá số 3965/CT-ĐN1 ngày 02/12/2022 của CTCP thẩm định giá Đồng Nai.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn tranh luận:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V yêu cầu được ly hôn với bà Phùng M Và vì lý do bà V1 ngoại tình với người đàn ông khác. Tuy nhiên bà V1 đồng ý ly hôn nên kính đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về việc ly hôn giữa ông V và bà V1.

Về con chung: Hiện nay cháu Lâm Quốc P1 đã thành niên và có khả năng lao động nên ông V không có yêu cầu gì. Khi ly hôn ông V có yêu cầu được nuôi cháu Lâm Y Q và không yêu cầu bà V1 cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa ông V đồng ý giao con chung cho bà V1 nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà V1 có yêu cầu phản tố chia tài sản chung là thửa đất số 153, diện tích 274, 5 m², tờ bản đồ số 51, xã P và căn nhà trên đất, giá trị theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T1 là thửa đất 2.458.400.000đ, nhà 433.459.500đ, tổng cộng là 2.458.400.000đ.

Ông V xác định thửa đất trên là tài sản của cha mẹ ông tặng cho vợ chồng với điều kiện cho vợ chồng làm ăn nhưng bà V1 ngoại tình dẫn đến ông phải ly hôn nên ông trả lại theo lời cha mẹ. Ông xác định tài sản chung của vợ chồng chỉ có căn nhà cấp 4 trên thửa đất đất số 153, diện tích 274,5 m², tờ bản đồ số 51, xã P và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Lời trình bày của ông V là có căn cứ do phong tục tập quán của người dân tộc H1 là cha mẹ cho con để làm ăn lo cho cha mẹ vì vậy nay ông xác định bà V1 ngoại tình nên ông phải xin ly hôn, vi phạm điều kiện tặng cho theo phong tục tập quán của người Hoa.

Do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia thửa đất số 153, diện tích 274,5m², tờ bản đồ số 51, xã P của bà V1; chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông V.

Trong trường hợp Tòa án xác định thửa đất số 153, diện tích 274,5m², tờ bản đồ số 51, xã P là tài sản chung và phải chia tài sản thì để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông V, đề nghị HĐXX xem xét yếu tố lỗi, nguồn gốc tài sản, đặc điểm tài sản, để chia cho ông V 70% tài sản và ưu tiên giao toàn bộ tài sản cho ông V trực tiếp quản lý sử dụng.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn tranh luận:

Nguồn gốc thửa đất là tài sản chung vợ chồng, được bố mẹ chồng tặng cho. Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ông V - bà V1 đã xây dựng căn nhà trên đất, thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, được UBND huyện Đ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 419773 ngày 07/9/2012 cho ông Lâm Mẫn V và bà Phùng M Và.

Nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu chứng minh tặng cho quyền sử dụng đất phải có điều kiện nuôi dưỡng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Giao cháu Q cho bà V1 nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về chia tài sản chung vợ chồng.

Không chấp nhận về yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị T.

Các bên đương sự nộp án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phùng M Và cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: ông Lâm Mẫn V khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bà Phùng M Và yêu cầu khởi kiện phản tố về tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”; bà Hoàng Thị T là người có quyền lợi-nghĩa vụ liên quan có yêu cầu khởi kiện độc lập về đòi lại tài sản theo hợp đồng tặng cho tài sản, nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Lâm Mẫn V là người khởi kiện nên xác định là nguyên đơn, bà Phùng M Và là người bị kiện, có yêu cầu phản tố nên xác định là bị đơn có yêu cầu khởi kiện phản tố; bà Hoàng Thị T có yêu cầu khởi kiện độc lập, nên xác định là người có quyền lợi-nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lâm Mẫn V và ông bà Phùng M Và tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lâm M1 Vây: ông V xin ly hôn với lý do vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc do bà Phùng M Và có quan hệ tình cảm với người khác, ông bà đã không còn sống chung từ năm 2022 đến nay, hiện không còn tình cảm vợ chồng. Bà V1 cũng thừa nhận vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông V, nên bà đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa ông V và bà V1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho ông L Mẫn Vây được ly hôn với bà Phùng M Và, phù hợp quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Lâm Quốc P1, sinh ngày 14/12/2006 và Lâm Y Q, sinh ngày 11/11/2009. Cháu P1 hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét. Bà V1 yêu cầu nuôi cháu Q, không yêu cầu ông V1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q có nguyện vọng được sống với mẹ; ông V đồng ý giao cháu Q cho bà V1 nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Lâm Y Q, sinh ngày 11/11/2009 cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời bà V1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V.

[3] Về tài sản chung: quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và các chứng cứ do các đương sự cung cấp xác định trong thời kỳ hôn nhân ông V - bà V1 đã xây dựng 01 căn nhà trên thửa đất số 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 419773 do UBND huyện Đ cấp ngày 07/9/2012 cho ông Lâm Mẫn V và bà Phùng Mỹ V1). Nguồn gốc thửa đất được bố mẹ chồng tặng cho vào năm 2012, có hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực. Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, ông V -bà V1 đã xây dựng căn nhà trên đất, thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất, được UBND huyện Đ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 419773 ngày 07/9/2012 cho ông Lâm Mẫn V và bà Phùng M Và.

Xét thấy, ông Lâm Tác V2 và bà Hoàng Thị T được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 798664 ngày 21/8/2002 đối với thửa 153, tờ 51, diện tích đất được cấp là 274,50m². Đến năm 2012, ông V2-bà T đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên cho ông V-bà V1. Ông V-bà V1 đã thực hiện các thủ tục đăng ký cập nhật biến động quyền sử dụng đất sang tên mình và xây dựng nhà trên đất.

Bà Hoàng Thị T xác định vợ chồng ông bà tặng cho đất với điều kiện vợ chồng ông V – bà V1 phải phụng dưỡng cha mẹ. Đến năm 2014, thì ông V2 chết, hiện nay vợ chồng ông V – bà V1 ly hôn nên bà yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất trên và được nguyên đơn đồng ý.

Xét thấy, ông V – bà V1 được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 419773 ngày 07/9/2012 đối với thửa đất số 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m². Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực hợp lệ, ông Lâm Mẫn V và bà Phùng Mỹ V1 đã thực hiện xây nhà trên đất. Bà T không có ý kiến phản đối việc xây dựng, bà T cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có điều kiện nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất, các bên đã thực hiện chứng thực hợp đồng, bên

tặng cho không có quy định điều kiện tặng cho nên không phù hợp với Điều 462 BLDS, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Do vậy, cần xác định tài sản chung vợ chồng gồm thửa đất số 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m² và căn nhà trên đất. Xét thấy, tài sản trên được hình thành từ bố mẹ ruột ông V tặng cho quyền sử dụng đất, do đó khi chia cần xác định công sức đóng góp của ông V nhiều hơn về giá trị quyền sử dụng đất và công sức ngang nhau về tài sản trên đất là căn nhà là phù hợp Án lệ 03/2016.

Xét bà V1 có yêu cầu được chia bằng tiền, giao hiện vật là căn nhà cho ông V nhận là phù hợp nên chấp nhận.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, Trích lục và đo hiện trạng khu đất bản đồ địa chính số 2568/2022 ngày 10/11/2022 và Chứng thư thẩm định giá số 288/2024/480 ngày 02/10/2024, được các bên thống nhất, không yêu cầu thẩm định giá lại thể hiện tài sản tranh chấp, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất: 219,5m² x 11.200.000 đồng/m² = 2.458.400.000 đồng.

- Nhà ở gia đình và công trình gắn liền với đất (mái che, giếng khoan): 433.459.500 đồng.

Do vậy cần xác định chia cho bà V1 công sức hình thành nên khối tài sản chung là 4/10 giá trị đất là (2.458.400.000 đồng/10 x 4) = 983.360.000 đồng; ông V công sức hình thành nên khối tài sản chung là 6/10 giá trị đất, tương đương với số tiền là (2.458.400.000 đồng/10 x 6) = 1.475.040.000 đồng

Đối với căn nhà xây trên đất, bà V1 và ông V đóng góp công sức ngang nhau nên bà V1 được chia 1/2 là: 433.459.500 đồng/2 = 216.729.500 đồng; ông V được chia 1/2 là: 433.459.500 đồng/2 = 216.729.500 đồng

Tổng cộng bà Phùng M Và được nhận là 1.200.089.500 đồng. Ông Lâm Mẫn V được nhận là 1.691.769.500 đồng.

Giao cho ông V được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m² và tài sản gắn liền với đất. Ông V có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản bằng tiền cho bà V1 là 1.200.089.500 đồng

[4] Về nợ chung: Ông V, bà V1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: chi phí thẩm định giá là 33.000.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc là 1.512.000 đồng. Tổng cộng: 37.512.000 đồng. Do đây là căn cứ để xác định giá trị tài sản tranh chấp nên các đương sự mỗi người chịu 1/2 chi phí tố tụng. Các khoản chi phí tố tụng trên do bà V1 tạm ứng thanh toán, nên buộc ông V có nghĩa vụ hoàn lại 1/2 cho bà V1 là: 18.756.000 đồng.

[6] Về án phí: ông Lâm Mẫn V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí có giá ngạch đối với tài sản chung được nhận (1.691.769.500 đồng) là 62.753.000 đồng.

Bà Phùng M Và phải nộp án phí có giá ngạch đối với tài sản chung được nhận (1.200.089.500 đồng) là 48.002.000 đồng.

Bà Hoàng Thị T là người cao tuổi nên miễn án phí DSST.

[7] Xét quan điểm bảo vệ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn, HĐXX xem xét khi quyết định.

[8] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về cơ bản phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 5, 26, 28, 35, 39, 91, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các điều 33, 34, 35, 51, 56, 57, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 357, 457, 459 BLDS và Án lệ 03/2016 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị quyết số 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lâm Mẫn V ly hôn bà Phùng Mỹ V1.

- Về con chung: giao cháu Lâm Y Q, sinh ngày 11/11/2009 cho bà V1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời bà V1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông D.

- Về tài sản chung: Giao cho ông L Mẫn Vây được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt thửa đất số 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m² và công trình, vật kiến trúc xây dựng kiên cố trên đất.

Ông Lâm Mẫn V có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản bằng tiền cho bà Phùng M Và là: 1.200.089.500 đồng (Một tỷ hai trăm triệu, không trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T về việc buộc ông Lâm Mẫn V và bà Phùng M Và hoàn trả quyền sử dụng đất thửa số 153, tờ 51 xã P, diện tích 274,5m².

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 37.512.000 đồng, bà V1 đã tạm ứng thanh toán, nên buộc ông V có nghĩa vụ hoàn lại ½ cho bà V1 là: 18.756.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

4. Về án phí: ông Lâm Mẫn V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí có giá ngạch đối với tài sản chung được nhận là 62.753.000 đồng. Tổng cộng là 63.053.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 300.000 đồng (Biên lai thu tiền số 0003647 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai) được khấu trừ vào án phí. Ông V phải nộp bổ sung án phí là 62.753.000 đồng (Sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Bà Phùng M Và phải nộp án phí có giá ngạch đối với tài sản chung được nhận là: là 48.002.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí bà V1 đã nộp là 18.000.000

đồng (Biên lai thu tiền số 0003721 ngày 05/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7-Đồng Nai) được khấu trừ vào án phí. Bà V1 phải nộp bổ sung án phí là 30.002.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm linh hai nghìn đồng).

Bà Hoàng Thị T là người cao tuổi nên miễn án phí DSST.

5. Các nội dung liên quan đến quản lý Nhà nước về đất đai

Ông Lâm Mẫn V có quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án này. Ông V có nghĩa vụ thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi có yêu cầu của ông Lâm Mẫn V, Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận cũ, cấp lại giấy chứng nhận mới cho ông L Mẫn Vây theo quyết định của bản án này.

Các bên đương sự có nghĩa vụ chấp hành các quyết định, quy định của Nhà nước về quản lý đất đai.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, bà Hoàng Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV7-Đồng Nai;
- Phòng THADS KV7-Đồng Nai;
- UBND cấp xã
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái

